| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN P**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 4 năm 2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Cao Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Hoa

Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị H, sinh năm 1995.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990.

Đều trú tại: Khu 8, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Lưu Thị H trình bày:* Chị và anh Nguyễn Thanh T tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã B năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình chồng tại khu 8, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu, hôn nhân hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ khoảng năm 2015 đến nay. Nay chị xác định tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể gắn kết nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 30/8/2013 và cháu Nguyễn Giang H, sinh ngày 14/7/2015.

Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là anh Nguyễn Thanh T:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, triệu tập hợp lệ anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của anh T và không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, chính quyền địa phương xác nhận quan hệ hôn nhân của chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Thanh T và xác nhận anh Nguyễn Thanh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ nhưng anh T hiện nay đang không có mặt ở địa phương. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống có mâu thuẫn như thế nào địa phương không biết. Nay chị H xin ly hôn anh T thì quan điểm của địa phương đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập đối với thân nhân của anh T. Bà Trần Thị Đ là mẹ đẻ của anh T trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh T, là mẹ chồng của chị H. Chị H và anh T kết hôn năm 2013 tại UBND xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn thì anh T, chị H về chung sống với vợ chồng bà ở khu 8, xã B, huyện P. Quá trình anh chị chung sống không được hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều, anh T đã bỏ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có vè thăm gia đình và gọi điện thoại về. Gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T, bà đã nhận thay và có trách nhiệm thông báo lại cho anh T, còn việc anh T có về Tòa án làm việc hay không thì bà không biết. Bà đã hỏi anh T địa chỉ để cung cấp cho Tòa án nhưng anh T không nói nên bà không cung cấp được. Nay chị H xin ly hôn anh T và xin nuôi hai con chung thì quan điểm của gia đình bà nhất trí.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đngs theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự là đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thanh T. Về con chung, đề nghị giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên lao động tự túc được. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P. Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng:

Chị Lưu Thị H nộp đơn xin ly hôn, giải quyết con chung với anh Nguyễn Thanh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Thanh T có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ, do vậy Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên xin được ly hôn với anh T. Qua xác minh lời khai của mẹ đẻ anh T là bà Trần Thị Đ cho biết vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, anh T đã biết việc chị H xin ly hôn, đã được bà thông báo toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không cung cấp địa chỉ nơi làm việc để Tòa án tống đạt văn bản tố tụng là cố tình giấu địa chỉ, từ bỏ quyền được trình bày tại Tòa án, không thực hiện nghĩa vụ của người công dân.

Sau khi xem xét đơn ly hôn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy việc chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 30/8/2013 và cháu Nguyễn Giang H, sinh ngày 14/7/2015. Chị H đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, xét thấy là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định của pháp luật nên tòa án không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T vắng mặt nên chưa xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lưu Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 30/8/2013 và cháu Nguyễn Giang H, sinh ngày 14/7/2015 cho chị Lưu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Anh Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001317 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- UBND B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Cao Thị Đào**